

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN HỆ THẠC SĨ KHÓA 2023-2025

APPLICATION FORM FOR MASTER PROGRAMS INTAKE 2023-2025

Phần dành cho USTH/ For USTH only: Ngày nhận hồ sơ/ Date of receiving: _____ Mã hồ sơ/ Admission ID: _____ Đợt phỏng vấn/ Interview Wave: ____ Date: _____ Time: ____ Hội đồng/ Jury No.: _____ Admission Result/ Kết quả : _____ Condition : _____	Chú ý/Note
---	-------------------

NỘI DUNG DỰ TUYỂN/ APPLICATION INFORMATION

Các ngành học/Specialties	
Advanced Materials Science and Nanotechnology/ Khoa học Vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano	☐ Nano-physics/ <i>Vật lý Nano</i> ☐ Nano-chemistry/ <i>Hóa học Nano</i>
SPACE: Earth Observation - Astrophysics - Satellite Technologies/ <i>Vũ trụ : Viễn thám – Vật lý thiên văn – Công nghệ vệ tinh</i>	☐ Science from Space/ <i>Khoa học Vũ trụ</i> ☐ Satellite Technologies/ <i>Công nghệ vệ tinh</i>
Water- Environment- Oceanography/ <i>Nước – Môi trường – Hải dương học</i>	☐ Water supply & Waste water treatment/ <i>Cấp nước và xử lý nước thải</i> ☐ Natural Water & Environmental quality/ <i>Chất lượng môi trường và nước tự nhiên</i> ☒ Hydrology & Oceanography/ <i>Thủy văn và Hải dương học</i>
Medical Biotechnology – Plant Biotechnology - Pharmacology/ <i>Công nghệ sinh học : Thực vật – Y sinh – Dược học</i>	☐ Biomedicine/ <i>Y sinh</i> ☐ Drug Development/ <i>Phát triển thuốc</i> ☐ Plant Biotechnology/ <i>Công nghệ sinh học thực vật</i>
Information and Communication Technology/ <i>Công nghệ Thông tin và Truyền thông</i>	☐ Data Mining for Internet of Thing <i>Khai phá dữ liệu lớn cho Internet of Thing</i> ☐ Infrastructure for Internet of Thing/ <i>Cơ sở hạ tầng cho Internet of Thing</i>
Chương trình đào tạo/ Training program	
☒ One-year Master's Program	☐ Two-year Master's Program

DÀNH RIÊNG CHO SINH VIÊN TRAO ĐỔI/ ONLY FOR EXCHANGE STUDENTS

1. Cơ sở đào tạo hiện tại/ Current training institution : <i>INP Toulouse - ENSIACET</i>
2. Thời gian đào tạo tại USTH/ Expected training duration at USTH: <i>1 years</i>
3. Số tín chỉ tương đương/ ETC equivalent : <i>30 ECTS</i>

THÔNG TIN CÁ NHÂN/ PERSONAL INFORMATION

4. Họ và tên / Full name: <i>Sophie CARPIN</i>	
5. Số chứng minh thư nhân dân/ ID/Passport number: <i>PT9JJBGR9</i>	
6. Ngày sinh/ Date of birth: <i>01/21/2001</i>	

7. Giới tính/ *Gender*: ☐ Male / *Nam* ☒ Female / *Nữ*

8. Nơi sinh/ *Place of birth*: St Martin d'Hères - France

9. Quốc tịch / *Nationality*: French

10. Dân tộc/ *Ethnicity*:

11. Địa chỉ gửi thư / *Current mailing address for correspondence*:
 5 impasse des Acacias
 38190 Villard - Bonnot
 France

12. Hộ khẩu thường trú/ *Permanent Resident Address*:
 Số nhà/ House No.: 5 Đường/Street.: Impasse des Acacias Phường,xã/ Ward, commune: Villard - Bonnot
 Quận, huyện/ *District*: Tỉnh, thành phố/ *Province*: Quốc gia/ *Country*: France

13. Điện thoại/ *Home phone*: 11.Di động/ *Mobile Phone*: +33782910084

14. E-mail: sophie.carpin@etu.inp-ensiacet.fr

15. Tình trạng hôn nhân/ *Marital status*: ☒ Độc thân/ *Single* ☐ Đã kết hôn/ *Married*

16. Emergency Contact Person :
 Full Name: Patricia Carpin Relationship: Mother
 Telephone: +33651075354 Email: pat.torregrossa@gmail.com

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP / *ACADEMIC HISTORY*

17. Quá trình học tập/ *Academic history*

	Trình độ/ Level obtained	Tên trường/ <i>University name</i>	Chuyên ngành/ Major	Điểm trung bình/ <i>Final average result</i>	Xếp loại/ Grade	
1.	DUT equivalent to HND in Chemistry	University of Technology Montpellier-Sète	Chemistry	12.943/20		
2.	A level	Lycée Marie Reynoard	Sciences	13.15/20		
3.						
4.						
5.						

18. Các thành tích nổi bật (học bổng, giải thưởng ...)/ *Awards and Distinctions*:

19. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp / *University graduation*: INP Toulouse - ENSICAET Dự kiến/ *Expected Date*: 2024 (dành cho sinh viên năm cuối / *for the last-year students only*)

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC VÀ NGHIÊN CỨU/ *EMPLOYMENT AND RESEARCH HISTORY*

20. Quá trình làm việc và nghiên cứu/ Quá trình làm việc và nghiên cứu

* **Tên Cơ quan/ Home institution:**

- Địa chỉ đầy đủ/ *Address:* 4 Allée Emile Monso, 31030 Toulouse, France

- Điện thoại/ *Telephone:* +33534323300

- Bộ phận/ *Department:*

- Vị trí/ *Position:*

- Thành tích nổi bật/ *Main achievement:*

- Thời gian công tác/ *Working period:*

* **Tên Cơ quan/ Home institution:**

- Địa chỉ đầy đủ/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:*

- Bộ phận/ *Department:*

- Vị trí/ *Position:*

- Thành tích nổi bật/ *Main achievement:*

- Thời gian công tác/ *Working period:*

* **Tên Cơ quan/ Home institution:**

- Địa chỉ đầy đủ/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:*

- Bộ phận/ *Department:*

- Vị trí/ *Position:*

- Thành tích nổi bật/ *Main achievement:*

- Thời gian công tác/ *Working period:*

KHẢ NĂNG NGOẠI NGỮ/ LANGUAGE SKILLS

21. Chứng chỉ (nếu có)/ *Certificates (if any):* B2 English

TRÌNH BÀY MỤC ĐÍCH, NGUYỆN VỌNG/ STATEMENT OF MOTIVATION

22. Trình bày bằng tiếng Anh (khoảng 300 từ) nêu rõ mục đích và lý do đăng ký dự tuyển vào Trường ĐHKHCNHN, mục tiêu nghề nghiệp và lý do chọn ngành, v.v...

Please explain in English within 300 words the purpose of your application and reasons for applying to USTH, detailing your career objectives and the reason for which you choose the above-mentioned specialty, etc.

CAM KẾT CỦA ỨNG VIÊN/ CERTIFICATION OF ACCURACY

Tôi cam đoan rằng toàn bộ thông tin trong bản đăng ký này và thông tin đính kèm là hoàn toàn chính xác và đầy đủ, và có thể được kiểm chứng bằng văn bản gốc.

LƯU Ý: Xin lưu ý rằng ĐHKHCNHN hoàn toàn có quyền từ chối không cho sinh viên nhập học hoặc chấm dứt việc học tập của sinh viên nếu phát hiện anh/chị cung cấp thông tin không chính xác hoặc thiếu sót.

Nếu trúng tuyển, thí sinh sẽ bắt buộc phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ yêu cầu

I certify that all information included with the application for admission is accurate and complete,

and may be verified with an original document/ official source.

NOTE: Please note that USTH reserves the right to refuse admission or to terminate a student's attendance should it be discovered that he/she has made a false statement or has omitted significant information.

If you are selected, you will be required to provide evidence proof of your qualifications.

23. Ký và ghi rõ họ tên/ *Signature and full name:* Sophie Carpin

24. Địa điểm và ngày tháng/ *Place and date:*

Đơn đăng ký dự tuyển và hồ sơ đăng ký dự tuyển gửi đến email: admission@usth.edu.vn/ *Application Form and Application Dossier shall be sent to email address: admission@usth.edu.vn*

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO/ DEPARTMENT OF ACADEMIC AFFAIRS
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI/
UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY OF HANOI

Địa chỉ/Address: **Phòng 102, Tòa nhà A21, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**
Room 102, A21 Building, 18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Điện thoại/Tel: **+84-24 77 74 77 48**

Hotline: **+84-8 88 55 77 48**

Email: **admission@usth.edu.vn**

Website: **www.usth.edu.vn**

(Hồ sơ không đầy đủ sẽ không được xem xét/ Incomplete applications will not be considered)

DANH SÁCH HỒ SƠ/APPLICATION CHECKLIST

(hồ sơ bắt buộc được đánh dấu “✓”/compulsory documents are marked with “✓”)

	Hồ sơ cần nộp/ Documents included	Thí sinh Việt Nam/ Vietnamese applicants	Thí sinh quốc tế/ International applicants	Học viên trao đổi/ Exchange students
1.	Đơn đăng ký dự tuyển khóa học 2023 - 2025 theo mẫu tại website của Trường (có dán ảnh 3x4). <i>Application form for Master programs intake 2023-2025 (download from http://www.usth.edu.vn/admission) filled in and signed with recent 3 cm x 4 cm portrait attached.</i>	✓	✓	✓
2.	Thư bằng tiếng Anh trình bày mục đích, nguyện vọng học tại trường USTH. <i>Motivation Letter in English (outlining why candidates would like to enroll in USTH).</i>	✓	✓	✓
3.	Bản dịch tiếng Anh công chứng bằng tốt nghiệp đại học. <i>Certified English Translation of Bachelor Degree.</i>	✓	✓	
4.	Bản dịch tiếng Anh công chứng bằng điểm đại học (Thí sinh không theo thang điểm 10 cần nộp một văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải thích thang điểm áp dụng và/hoặc cách tính tương đương sang thang điểm 10). <i>Certified English Translation of university transcript. If the grading system is different from the 0-10 scale applied in Vietnam and the 0-20 scale applied in France, a document explaining the applied grading system is required.</i>	✓	✓	✓
5.	Bản photo Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu. <i>Copy of ID card or passport.</i>	✓	✓	✓
6.	Chứng minh tài chính. <i>Financial statement.</i>		✓	
7.	Thẻ sinh viên của trường đang học. <i>Student certificate of current university.</i>			✓
8.	Biên lai thu lệ phí tuyển sinh <i>Receipt of application fee</i>	✓	✓	✓

9.	Văn bằng, chứng chỉ quốc tế chứng minh khả năng ngoại ngữ (TOEFL, IELTS, v.v.), bằng khen, bằng chứng nhận thành tích học tập, học bổng (nếu có). <i>Certificate of foreign languages (English, French) (if any); merits and certificates of good study results or scholarships (if any).</i>			
10.	Thư giới thiệu (nếu có). <i>Letters of recommendation (if any).</i>			✓
11.	Sơ yếu lý lịch (nếu có)*. <i>Curriculum Vitae (if any)*.</i>			